TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/KDTM-PT
Ngày: 07/01/2026
V/v: Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Đức Bằng**

Các Thẩm phán **:** **Ông Trần Anh Tuấn**

Ông Tống Quốc Thanh

- Thư ký phiên toà: **Ông Nguyễn Trung Kiên** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 220/2025/KDTM-TLPT ngày 25/11/2025 về việc "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2025/KDTM-ST ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân quận HBT, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1081/2025/QĐXX-PT ngày 10/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 1141/2025/QĐ-HPT ngày 26/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BD ACC;**

Trụ sở: Lô D- 3- CN, Đường N7-KCN MP, phường MP, thị xã BC, tỉnh BD (nay là Phường BC, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bảo L- Chủ tịch HĐQT;

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH Trường Tín. Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc Sỹ *(Theo Hợp đồng ủy quyền số 11.8/2025/HĐUQ/TT-ACC ngày 11/8/2025)* Địa chỉ: Số 94 Phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Minh Tuấn và bà Trình Thị Thơm – Luật sư Công ty Luật TNHH Trường Tín *(có mặt)*

2. Bị đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân;**

Trụ sở: 25 Lê Đại Hành, phường HBT, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Trưởng phòng Phòng Tố tụng xử lý nợ - Trung tâ, xử lý nợ Ngân hàng TMCP Quốc Dân (*theo Giấy uỷ quyền số 93/2025/UQ-HĐQT ngày 10/02/2025*).

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Mai Anh Tuấn, Bà Vũ Thị Thơm, bà Âu Thùy Linh *(theo Giấy uỷ quyền số 30/2026/UQ-BĐH.NCB ngày 06/01/2026*) *(có mặt)*

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển ĐN Việt Nam**

Trụ sở: số 36 ngõ 133 Nguyễn Phong Sắc, phường NĐ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ nhận văn bản: P618, CT5, Khu đô thị mới Tứ Hiệp, phường TT, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Duy H- Chức danh: Tổng Giám đốc *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Trong đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/3/2023, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BD ACC (*sau đây gọi là "Công ty BD ACC*") và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển ĐN Việt Nam (*sau đây gọi là "Công ty ĐN*") ký kết Hợp đồng kinh tế số 10/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN (*sau đây gọi là "Hợp đồng 10")* về việc thi công:

- Tuyến cáp ngầm trung thế 24kV, Trạm biến áp Kiosk hợp bộ 1000kVA, có giá trị: **1.178.394.674 đồng**.

- Hệ thống điện ngầm hạ thế 0,4kV, Hệ thống chiếu sáng ngoài trời thuộc công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở liền kề tại các ô đất ký hiệu LK-B3/B4/B5/B6/B7/B9/B10/B11/B12/B13 thuộc Khu đô thị và Dịch vụ VSIP- Bắc Ninh, có giá trị: **3.225.244.339 đồng**.

Ngày 05/5/2023, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 01 (Kèm theo hợp đồng số: 10/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN ngày 01/3/2023) trong đó có nội dung gia hạn thời gian và tiến độ thi công phần xây dựng Tuyến cáp ngầm trung thế 24kV và Trạm biến áp 1000 kVA đến ngày 31/5/2023.

Ngày 31/5/2023, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 02 (Kèm theo hợp đồng số: 10/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN ngày 01/3/2023) trong đó có nội dung gia hạn thời gian và tiến độ thi công phần xây dựng Tuyến cáp ngầm trung thế 24KV và Trạm biến áp 1000 KVA đến ngày 30/6/2023.

Tiếp đó, ngày 25/5/2023, Công ty BD ACC và Công ty ĐN ký kết Hợp đồng kinh tế số 15/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN về việc thi công hạng mục: Cung cấp và thi công hệ thống cấp nước sạch - Công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở liền kề Địa điểm: Khu Nhà liền kề tại các ô đất ký hiệu LK-B3/B4/B5/B6/B7/B9/B10/B11/B12/B13, thuộc quy hoạch chi tiết Khu Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh tại phường Phù Chẩn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi là "Hợp đồng 15") có giá trị hợp đồng là: 696.668.880 đồng.

Theo điều khoản tạm ứng (khoản 2.1 Điều 2) trong 02 Hợp đồng nêu trên thì Công ty ĐN (Bên được bảo lãnh) phải nộp cho Công ty BD ACC (Bên nhận bảo lãnh) bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Công ty ĐN sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng cho việc thực hiện hợp đồng, gồm:

- Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng có giá trị bằng 30% giá trị hợp đồng phần Cung cấp và Thi công tuyến cáp ngầm trung thế 24 kV, Trạm biến áp Kiosk hợp bộ 1000 kVA (Giá trị hợp đồng phần Cung cấp và Thi công tuyến cáp ngầm trung thế 24 kV, Trạm biến áp Kiosk hợp bộ 1000 kVA là 1.178.394.674 đồng);

- Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng có giá trị bằng 30% giá trị hợp đồng phần Cung cấp và Thi công Hệ thống điện ngầm hạ thế 0,4 kV, Hệ thống chiếu sáng ngoài trời (Giá trị hợp đồng phần Cung cấp và Thi công Hệ thống điện ngầm hạ thế 0,4 kV, Hệ thống chiếu sáng ngoài trời là 3.225.244.339 đồng);

- Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng có giá trị bằng 25% giá trị hợp đồng Cung cấp và thi công hệ thống cấp nước sạch (Giá trị hợp đồng Cung cấp và thi công hệ thống cấp nước sạch là 696.668.880 đồng).

Theo quy định tại khoản 2.2 Điều 2 của 02 Hợp đồng nêu trên, Công ty ĐN (Bên được bảo lãnh) phải nộp cho Công ty BD ACC (Bên nhận bảo lãnh) bảo lãnh của ngân hàng với một khoản tiền xác định (bằng 5% giá trị hợp đồng) để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng, gồm:

- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng có giá trị bảo đảm với số tiền tương đương 05% giá trị phần Cung cấp và Thi công tuyến cáp ngầm trung thế 24 kV, Trạm biến áp Kiosk hợp bộ 1000 kVA;

- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng có giá trị bảo đảm với số tiền tương đương 05% giá trị phần Cung cấp và Thi công Hệ thống điện ngầm hạ thế 0,4 kV, Hệ thống chiếu sáng ngoài trời;

- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng có giá trị bảo đảm với số tiền tương đương 05% giá trị hợp đồng Cung cấp và thi công hệ thống cấp nước sạch.

Theo đó, để đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty ĐN theo hai hợp đồng nêu trên, Ngân hàng TMCP Quốc Dân (sau đây gọi là "NCB") đã phát hành tổng số 06 bảo lãnh, trong đó: 02 Bảo lãnh tiền tạm ứng, 02 Bảo lãnh thực hiện hợp đồng đối với Hợp đồng 10; 01 Bảo lãnh tiền tạm ứng, 01 Bảo lãnh thực hiện hợp đồng đối với Hợp đồng 15. Cụ thể:

1. Bảo lãnh tiền tạm ứng số MD2306897055, seri: BLAA 042919 ngày 09/03/2023: số tiền bảo lãnh là 353.518.402 đồng (= 30% x 1.178.394.674 đồng).

2. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD2306804765, seri: BLAA 042917 ngày 09/03/2023: số tiền bảo lãnh là 58.919.734 đồng (= 05% x 1.178.394.674 đồng) và Thư tu chỉnh Thư bảo lãnh số MD2306804765.TC1 ngày 26/04/2023 về việc gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD2306804765 cho đến hết ngày 31/05/2023; Thư tu chỉnh Thư bảo lãnh số MD2306804765.TC2 ngày 31/05/2023 về việc gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD2306804765 cho đến hết ngày 30/6/2023.

3. Bảo lãnh tiền tạm ứng số MD2313709911, seri: BLAA 042954 ngày 17/05/2023: số tiền bảo lãnh là 976.573.302 đồng (= 30% x 3.225.224.339 đồng).

4. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD2313732947, seri: BLAA 042953 ngày 17/05/2023: số tiền bảo lãnh là 161.262.217 đồng (= 05 % x 3.225.224.339 đồng).

5. Bảo lãnh tiền tạm ứng số MD2314906911, seri: BLAA 042961 ngày 29/05/2023: số tiền bảo lãnh là 174.167.000 đồng (= 25% x 696.668.880 đồng).

6. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD2314959760, seri: BLAA 042962 ngày 29/05/2023: số tiền bảo lãnh là 34.833.444 đồng (= 05% x 696.668.880 đồng).

Hình thức sử dụng của 06 bảo lãnh ngân hàng nêu trên đều là bão lãnh vô điều kiện, cụ thể:

Theo nội dung của 03 Bảo lãnh tiền tạm ứng, NCB theo yêu cầu của Bên nhận bảo lãnh, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Bên được bảo lãnh phải xem xét trước, thanh toán cho Bên nhận bảo lãnh khi Bên nhận bảo lãnh có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá số tiền đã nêu trong 03 Bảo lãnh tiền tạm ứng.

Theo nội dung 03 Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, NCB xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Bên được bảo lãnh với số tiền (đã được nêu rõ trong 03 Bảo lãnh thực hiện hợp đồng). Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện

và không hủy ngang cho Bên nhận bảo lãnh bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền như đã nêu trên, khi có văn bản của Bên nhận bảo lãnh thông báo Bên được bảo lãnh vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Sau khi nhận được các Bảo lãnh tiền tạm ứng và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng do NCB phát hành, Công ty BD ACC đã chuyển tiền tạm ứng hợp đồng tổng số tiền là **1.495.258.704 đồng** cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển ĐN Việt Nam vào tài khoản của Công ty ĐN mở tại NCB theo các Lệnh chi, cụ thể như sau:

- Ngày 15/3/2023, chuyển **353.518.402 đồng**. Nội dung: BD ACC Tạm ứng tiền cung cấp và thi công tuyến cáp ngầm trung thế 24kV, trạm biến áp Kios hợp bộ 1000kVA-Vsip Bắc Ninh theo HĐ 10/2023/HĐKT/ACC- ĐNVN.

- Ngày 23/5/2023, chuyển **976.573.302 đồng**. Nội dung: BD ACC Tạm ứng tiền cung cấp và thi công điện ngầm hạ thế 0.4 KV, hệ thống chiếu sáng ngoài trời -Vsip Bắc Ninh theo HĐ 10/2023/HĐKT/ACC - ĐNVN.

- Ngày 30/5/2023, chuyển **174.167.000 đồng**. Nội dung: BD ACC Tạm ứng tiền cung cấp và thi công hệ thống nước sạch – Khu nhà ở liền kề Vsip Bắc Ninh theo HĐ 15/2023/HĐKT/ACC- ĐNVN.

Trong quá trình thực hiện 02 Hợp đồng nêu trên, phía Công ty ĐN đã vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết theo hợp đồng. Khối lượng công việc mà Công ty ĐN đã làm đều dở dang, chưa hoàn thành, chưa được nghiệm thu nên Công ty ĐN chưa đủ điều kiện được nhận tiền thanh toán theo các Đợt thanh toán quy định tại điều khoản thanh toán của Hợp đồng. Chính vì vậy, Công ty ĐN chưa đủ điều kiện để được giảm trừ giá trị tạm ứng trong các Đợt thanh toán.

Đối với Hợp đồng 10: Hai bên đã ký kết Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 05/5/2023 có nội dung gia hạn thời gian và tiến độ thực hiện hạng mục công việc theo Hợp đồng, cụ thể: Phần điện ngầm hạ thế 0,4kV và Hệ thống chiếu sáng: Kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng này; Phần xây dựng Tuyến cáp ngầm trung thế 24kV và Trạm biến áp 1000 kVA đến hết ngày 31/5/2023. Đến ngày 31/5/2023, hai bên tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng số 02 có nội dung gia hạn thời gian và tiến độ thực hiện hạng mục công việc theo Hợp đồng, cụ thể: Phần xây dựng Tuyến cáp ngầm trung thế 24kV và Trạm biến áp 1000 kVA đến hết ngày 30/6/2023. Tại Phụ lục hợp đồng số 02, phía Công ty ĐN thừa nhận: Do chậm trễ trong quá trình thi công, Bên B (Công ty ĐN) đã không bàn giao công trình đúng như cam kết theo Hợp đồng và Phụ lục đã ký. Trên thực tế, Công ty ĐN cũng đã thi công một số công việc nhưng chưa thi công xong đầy đủ Hạng mục công trình cho từng Giai đoạn được quy định tại Hợp đồng nên Công ty ĐN chưa đủ điều kiện để Bên A

tiến hành nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành. Ngoài ra, Công ty ĐN chưa cung cấp đủ vật liệu đầu vào cho cả công trình nên công việc nghiệm thu vật liệu đầu vào cũng chỉ nghiệm thu được một phần. Khi thời hạn thực hiện Hợp đồng kết thúc (là ngày 30/6/2023), Công ty ĐN không bàn giao được công trình cho Công ty BD ACC. Như vậy, Công ty ĐN đã vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng.

Đối với Hợp đồng 15: Công ty ĐN chưa cung cấp đủ vật liệu đầu vào cho cả công trình. Công ty ĐN chưa thi công xong đầy đủ công việc trong thời hạn quy định tại Hợp đồng. Theo quy định tại Khoản 4.4 Điều 4 Hợp đồng: Bên A chỉ nghiệm thu các sản phẩm của Hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này hoàn thành đúng tiến độ, đúng yêu cầu thiết kế, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo quy định của Hợp đồng và các quy định của pháp luật. Như vậy, Công ty ĐN đã vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng nên không đủ điều kiện được Công ty BD ACC nghiệm thu sản phẩm công việc hoàn thành. Khi hết thời hạn hợp đồng (là ngày 24/7/2023), Công ty ĐN chưa bàn giao được công trình cho Công ty BD ACC.

Do đó, trong thời hạn có hiệu lực của 03 Bảo lãnh tiền tạm ứng và 03 Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Công ty BD ACC đã có công văn yêu cầu NCB thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như đã cam kết. Công ty BD ACC đã nộp hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hợp lệ cho NCB, cụ thể như sau:

Ngày 30/6/2023, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Bảo lãnh thực hiện hợp đồng MD2306804765, seri: BLAA 042917 ngày 09/03/2023 và 02 Thư tu chỉnh Thư bảo lãnh: Đề nghị NCB chuyển khoản số tiền **58.919.734 đồng.**

Ngày 30/6/2023, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD2313732947, seri: BLAA 042953 ngày 17/05/2023: Đề nghị NCB chuyển khoản số tiền **161.262.217 đồng**.

Ngày 07/7/2023, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Bảo lãnh tiền tạm ứng số MD2306897055, seri: BLAA 042919 ngày 09/03/2023: Đề nghị NCB chuyển khoản số tiền **353.518.402 đồng.**

Ngày 07/7/2023, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Bảo lãnh tiền tạm ứng số MD2313709911, seri: BLAA 042954 ngày 17/05/2023: Đề nghị NCB chuyển khoản số tiền **976.573.302 đồng**

Ngày 21/7/2023, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Bảo lãnh tiền tạm ứng số MD2314906911, seri: BLAA 042961 ngày 29/05/2023: Đề nghị NCB chuyển khoản số tiền **174.167.000 đồng.**

Ngày 21/7/2023, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD2314959760, seri: BLAA 042962 ngày 29/05/2023: Đề nghị NCB chuyển khoản số tiền **34.833.444 đồng.**

NCB đã nhận công văn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của ACC nhưng không trả lời đồng ý hay từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đã gây thiệt hại rất lớn cho Công ty BD ACC. Vì vậy nay Công ty BD ACC khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết gồm:

- Yêu cầu Ngân hàng TMCP Quốc dân thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo nội dung 06 Thư bảo lãnh tạm ứng và thực hiện Hợp đồng kinh tế số 10/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN ngày 01/3/2023 và Hợp đồng kinh tế số 15/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN ngày 25/5/2023: Hoàn trả cho Công ty BD ACC tổng số tiền là **1.750.274.099 đồng** *(Một tỷ, bảy trăm năm mươi triệu, hai trăm bảy mươi tư nghìn, không trăm chín mươi chín đồng)*, cụ thể như sau:

+ Bảo lãnh tiền tạm ứng số MD2306897055, seri: BLAA 042919 ngày 09/3/2023: số tiền bảo lãnh là 353.518.402 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu, năm trăm mười tám nghìn, bốn trăm linh hai đồng);

+ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD2306804765, seri: BLAA 042917 ngày 09/3/2023: số tiền bảo lãnh là 58.919.734 đồng (Năm mươi tám triệu, chín trăm mười chín nghìn, bảy trăm ba mươi bốn đồng);

+ Bảo lãnh tiền tạm ứng số MD2313709911, seri: BLAA 042954 ngày 17/5/2023: số tiền bảo lãnh là 976.573.302 đồng (Chín trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm linh hai đồng);

+ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD2313732947, seri: BLAA 042953 ngày 17/5/2023: số tiền bảo lãnh là 161.262.217 đồng (Một trăm sáu mươi mốt triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm mười bảy đồng);

+ Bảo lãnh tiền tạm ứng số MD2314906911, seri: BLAA 042961 ngày 29/5/2023: số tiền bảo lãnh là 174.167.000 đồng (Một trăm bảy mươi bốn triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng);

+ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD2314959760, seri: BLAA 042962 ngày 29/5/2023: số tiền bảo lãnh là 34.833.444 đồng (Ba mươi tư triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Quá trình Toà án giải quyết vụ án, NCB đã tự nguyện thực hiện được 35% nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty BD ACC số tiền là **612.595.935 đồng**. Xác nhận đến nay còn: 1.137.678.164 đồng, tương ứng với 65% nghĩa vụ chưa thực hiện.

Nay Công ty BD ACC yêu cầu NCB thanh toán nốt phần giá trị nghĩa vụ bảo lãnh còn lại là: **1.137.678.164 đồng** cùng số tiền lãi chậm trả tính trên số tiền

1.137.678.164 đồng theo mức lãi suất của Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự, bằng 10%/năm tính từ ngày 01/8/2023 tạm tính đến ngày 01/11/2024 là: 142.000.000 đồng. Tổng cộng là: 1.279.678.164 đồng. Số tiền lãi chậm trả sẽ được cập nhật tiếp đến ngày Tòa án xét xử.

2. Tại các bản tự khai, văn bản trình bày ý kiến, biên bản đối chất, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, bị đơn là Ngân hàng NCB do người đại diện hợp pháp trình bày:

- Ngân hàng NCB xác nhận đã phát hành 06 chứng thư bảo lãnh với các nội dung như nguyên đơn đã trình bày là đúng.

- Ngân hàng NCB xác nhận đã nhận được các hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Công ty BD ACC trong thời hạn quy định.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty BD ACC, Ngân hàng NCB có quan điểm như sau:

Ngân hàng NCB không thoái thác trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Tuy nhiên, trước khi Ngân hàng NCB thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đề nghị Công ty BD ACC chứng minh vi phạm của Công ty ĐN và xác định giá trị khối lượng mà Công ty ĐN đã thực hiện. Trên cơ sở đó, Ngân hàng NCB sẽ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo các chứng thư bảo lãnh trên.

Trên thực tế sau khi nhận được hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, Ngân hàng NCB đã có văn bản gửi Công ty BD ACC đề nghị Công ty BD ACC và Công ty ĐN thực hiện nghiệm thu khối lượng mà Công ty ĐN đã thực hiện để đối trừ nghĩa vụ đối với Công ty BD ACC. Tuy nhiên, Công ty BD ACC đã không thực hiện việc nghiệm thu để xác định giá trị khối lượng Công ty ĐN đã thực hiện nên Ngân hàng NCB không thể xác định được nghĩa vụ bảo lãnh phải thực hiện. Do đó, Ngân hàng NCB không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty BD ACC.

Ngày 15/10/2024, Ngân hàng NCB có yêu cầu phản tố, cụ thể:

Buộc Công ty BD ACC phải phối hợp với Công ty ĐN tiến hành nghiệm thu, xác nhận khối lượng, giá trị mà phía Công ty ĐN đã tiến hành thi công trên thực tế tại công trình, từ đó xác định được số tiền mà Ngân hàng NCB được đối trừ công nợ theo quy định tại Điều 339 Bộ luật dân sự 2015, trước khi Ngân hàng NCB thực hiện việc bảo lãnh đối với Công ty BD ACC như sau:

+ Hợp đồng số 10/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN ngày 01/03/2023: Công ty ĐN cho biết đã làm xong toàn bộ phần ngầm, bao gồm: đào, lấp, đặt ống HDPE, xếp gạch, rải băng cảnh báo, đúc bệ tủ công tơ, trụ đèn chiếu sáng đóng hàn hệ thống tiếp địa với giá trị khối lượng đã thi công là: **714.000.000 đồng** (*Bảy trăm mười bốn triệu đồng*), có Biên bản nghiệm thu.

+ Đối với hợp đồng số 15/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN ngày 25/05/2023: Công ty ĐN cho biết đã hoàn thành toàn bộ tuyến ống dịch vụ, vào nhà, hố đồng hồ với giá trị khối lượng đã thi công là: **366.000.000 đồng** (*Ba trăm sáu mươi sáu triệu đồng*), có Biên bản nghiệm thu.

+ Ngoài các hạng mục thi công, Công ty ĐN còn đặt hàng thiết bị là: nhà mát để sản xuất các thiết bị MBA, khoang trung thế, tủ MSB 1.1 với số tiền đặt hàng **151.000.000 đồng** (*một trăm năm mươi mốt triệu đồng*), có Hoá đơn chứng từ.

- Đưa Công ty ĐN vào tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để vụ án được giải quyết toàn diện và khách quan.

3. Tại Biên bản làm việc ngày 06/12/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty ĐN trình bày:

Công ty ĐN xác nhận có ký kết Hợp đồng kinh tế số: 10/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN và Hợp đồng kinh tế số: 15/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN với Công ty BD ACC như nguyên đơn đã trình bày là đúng.

Công ty ĐN xác nhận đã yêu cầu Ngân hàng NCB phát hành 6 Thư bảo lãnh đúng như Công ty BD ACC đã trình bày là đúng.

Công ty ĐN xác nhận đã nhận tạm ứng số tiền đúng như Công ty BD ACC đã trình bày là đúng. Sau khi nhận tạm ứng Công ty ĐN đã triển khai thi công phần trung thế, trạm biến áp, hạ thế và cấp nước và đã gửi hồ sơ nghiệm thu cho Công ty BD ACC đối với những phần mà Công ty ĐN đã thi công nhưng Công ty BD ACC không thực hiện nghiệm thu cho Công ty ĐN vì không đủ điều kiện nghiệm thu. Quan điểm của Công ty ĐN là những gì Công ty ĐN đã thực hiện phải được nghiệm thu và thanh toán. Do Công ty BD ACC không nghiệm thu để xác định giá trị khối lượng công việc Công ty ĐN đã thực hiện nên Ngân hàng NCB cũng không có cơ sở để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty BD ACC. Vì vậy, Công ty ĐN cũng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty BD ACC.

Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 25/4/2024, Công ty ĐN đề nghị Toà án buộc Công ty BD ACC phải phối hợp với Công ty ĐN tiến hành nghiệm thu, xác nhận khối lượng, giá trị mà phía Công ty ĐN đã tiến hành thi công trên thực tế tại công trình, từ đó xác định được số tiền mà Ngân hàng NCB được đối trừ công nợ theo quy định tại Điều 339 Bộ luật dân sự 2015, trước khi Ngân hàng NCB thực hiện việc bảo lãnh đối với Công ty BD ACC như sau:

- Hợp đồng số 10/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN ngày 01/03/2023: Công ty ĐN cho biết đã làm xong toàn bộ phần ngầm, bao gồm: đào, lấp, đặt ống HDPE, xếp gạch, rải băng cảnh báo, đúc bệ tủ công tơ, trụ đèn chiếu sáng đóng hàn hệ thống

tiếp địa với giá trị khối lượng đã thi công là: **714.000.000 đồng**, có Biên bản nghiệm thu + Bảng tổng hợp giá trị khối lượng thực tế đã thi công phần điện.

- Đối với Hợp đồng số 15/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN ngày 25/05/2023: Công ty ĐN cho biết đã hoàn thành toàn bộ tuyến ống dịch vụ, vào nhà, hố đồng hồ với giá trị khối lượng đã thi công là: 366.000.000 đồng, có Biên bản nghiệm thu + Bảng tổng hợp giá trị khối lượng thực tế đã thi công phần nước.

- Ngoài các hạng mục thi công nêu trên, Công ty ĐN còn đặt hàng thiết bị là: nhà máy để sản xuất các thiết bị MBA (Máy biến áp 1000KVA-22/0,4 KV, kiểu kín sứ elbow (đã kiểm định), Khoang trung thế 22KV (tủ RMU 24k 3 ngăn: 2 ngăn CDPT 24 KV- 630A- 20KA/S, 01 ngăn cầu dao kèm chì 24KV- 200A- 20KA/S; tủ MSB 1.1 (vỏ tủ trong nhà, 02 lớp cánh, được sản xuất bằng tôn dày 1,1 mm, kích thước C2200 x R2400 (800 x 800 x 800) x S500 mm với số tiền đặt hàng 151.000.000 đồng, có Hoá đơn chứng từ.

- Tổng giá trị khối lượng Công ty ĐN đã thi công và đặt hàng thiết bị là: 714. 033.795 đồng + 366.038.220 đồng + 151.000.000 đồng = **1.231.072.015 đồng** .

- Đưa Ngân hàng NCB vào tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để vụ án được giải quyết toàn diện và khách quan.

4. Tại phiên toà:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến trình bày như nêu trên, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ngân hàng NCB tiếp tục thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là hoàn trả số tiền còn lại là: 1.750.274.099 đồng – 612.595.935 đồng = **1.137.678.164 đồng** và số tiền lãi chậm trả tính trên số tiền 1.137.678.164 đồng theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm tính từ ngày 01/08/2023 (sau 5 ngày Ngân hàng NCB nhận được hồ sơ yêu cầu thực hiện bảo lãnh hợp lệ của Công ty BD ACC) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/05/2025 là **208.210.688 đồng**. Tổng cộng là: 1.137.678.164 đồng + 208.210.688 đồng = **1.345.888.852 đồng**.

Công ty BD ACC không yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại.

Bị đơn là Ngân hàng NCB và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty ĐN vắng mặt tại phiên toà mặc dù đã được nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

5. Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2025/KDTM-ST ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân quận HBT quyết định:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty BD ACC đối với Ngân hàng TMCP Quốc dân.

2/ Buộc Ngân hàng TMCP Quốc dân phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với số tiền còn lại là **1.137.678.164 đồng** đối với Công ty BD ACC theo Bảo lãnh tiền tạm ứng số MD2306897055, seri: BLAA 042919 ngày 09/03/2023; Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD2306804765, seri: BLAA 042917 ngày 09/03/2023; Bảo lãnh tiền tạm ứng số MD2313709911, seri: BLAA 042954 ngày 17/05/2023; Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD2313732947, seri: BLAA 042953 ngày 17/05/2023; Bảo lãnh tiền tạm ứng số MD2314906911, seri: BLAA 042961 ngày 29/05/2023 và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD2314959760, seri: BLAA 042962 ngày 29/05/2023 của Hợp đồng kinh tế số 10/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN ngày 01/3/2023 và Hợp đồng kinh tế số 15/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN ngày 25/5/2023.

Buộc Ngân hàng TMCP Quốc dân phải trả cho Công ty BD ACC số tiền lãi chậm trả tính trên số tiền 1.137.678.164 đồng tạm tính từ ngày 01/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/5/2025 là **208.210.688 đồng**.

Tổng cộng là: 1.345.888.852 đồng.

Kể từ 31/5/2025 cho đến khi thi hành án xong, Ngân hàng TMCP Quốc dân còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và kháng cáo theo quy định của pháp luật.

5. Sau khi xét xử sơ thẩm:

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn là Ngân hàng NCB đã có đơn kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2025/KDTM-ST ngày 30/52025 của Tòa án nhân dân quận HBT, với lý do: Bản án sơ thẩm chưa xem xét giải quyết toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng NCB, không đảm bảo quyền và lợi ích của Ngân hàng NCB.

Kèm đơn kháng cáo, người kháng cáo không có tài liệu, chứng cứ bổ sung.

6. Tại cấp phúc thẩm:

Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cụ thể như sau:

6.1 Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng NCB trình bày kháng cáo như sau:

Thứ nhất, Ngân hàng NCB xác nhận có phát hành 06 chứng thư bảo lãnh và không thoái thác trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Tuy nhiên, đề nghị Công ty BD ACC phải phối hợp với Công ty ĐN tiến hành nghiệm thu, xác nhận khối lượng, giá trị mà phía Công ty ĐN đã tiến hành thi công trên thực tế tại công trình, từ đó xác định được số tiền mà Ngân hàng NCB được đối trừ công nợ theo

quy định tại Điều 399 Bộ luật Dân sự 2015, trước khi Ngân hàng NCB thực hiện việc bảo lãnh đối với Công ty BD ACC.

Thứ hai, Tòa án sơ thẩm đã không giải thích, hướng dẫn Ngân hàng NCB thực hiện thu tục yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập theo đúng quy định của pháp luật trong quan hệ tranh chấp hợp đồng bảo lãnh.

Theo nội dung Tòa cấp sơ thẩm nhận định tại trang 16, bản án sơ thẩm như sau: "*không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu phản tố ngày 13/5/2025 và yêu cầu phản tố bổ sung của Ngân hàng NCB tại phiên tòa ngày 08/5/2025. Buộc Ngân hàng NCB phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo đúng cam kết tại các thư bảo lãnh đã phát hành. Giành quyền yêu cầu khởi kiện cho Ngân hàng NCB đối với Công ty ĐN về việc truy đòi bồi hoàn số tiền bảo lãnh đã thanh toán cho Công ty ACC trong một vụ án dân sự khác* ". Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên: "*Ngân hàng NCB phải chịu án phí đối với phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 48.930.000 đồng".*

Ngân hàng NCB cho rằng đây là vụ án "*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh*". Bản chất quan hệ bảo lãnh là quan hệ có 03 Bên (Bên được bảo lãnh; Bên nhận bảo lãnh; Bên bảo lãnh) và sẽ làm phát sinh quyền truy đòi của NCB (với Bên được bảo lãnh), nghĩa vụ hoàn lại của Bên được bảo lãnh (với NCB) nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn theo Khoản 18 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung năm 2017) nay là Khoản 2 Điều 4 Luật Tổ chức tín dụng năm 2024: "*Bảo lãnh ngân hàng là hình thức cấp tín dụng cho khách hàng thông qua việc Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên có nghĩa vụ khi bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết; khách hàng phải nhận nợ bắt buộc và hoàn trả cho Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo thỏa thuận*".

Do vậy, việc Tòa án không giải thích, hướng dẫn Ngân hàng NCB thực hiện thủ tục yêu cầu độc lập theo đúng quy định (tại điểm g khoản 2 Điều 23 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024) mà tiếp nhận, giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố (sửa đổi, bổ sung) có thể là một tình tiết khiến việc giải quyết bản án sơ thẩm không toàn diện, bao quát các quan hệ pháp luật phát sinh, ảnh hưởng tới quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng NCB (*do Ngân hàng NCB bị hạch toán, ghi nhận nợ xấu, trích lập dự phòng rủi ro từ ngày Bản án Sơ thẩm có hiệu lực nhưng phải thực hiện thủ tục khởi kiện 01 vụ án khác để thực hiện quyền truy đòi, xử lý TSBĐ*).

Mặc dù NCB đã đưa yêu cầu phản tố bổ sung*: Buộc Công ty ĐN phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền bảo lãnh cho NCB trong tường hợp NCB phải thực*

hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Công ty BD ACC và số tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm không hướng dẫn cho NCB thay đổi nội dung phản tố thành nội dung yêu cầu độc lập trong cùng một vụ án để giải quyết và nhận định là "*vượt quá yêu cầu phản tố ban đầu nên không được chấp nhận*" (bác về thủ tục tố tụng, không xét nội dung) là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng NCB.

Từ những phân tích trên, Ngân hàng NCB đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

6.2 Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Công ty ĐN đã vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng và thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết theo hợp đồng nên Công ty ACC có quyền yêu cầu Ngân hàng NCB phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo các chứng thư bảo lãnh đã phát hành. Việc bảo lãnh mà Ngân hàng NCB đã cam kết là vô điều kiện, không hủy ngang nên Ngân hàng NCB có nghĩa vụ thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh không phụ thuộc vào việc quyết toán, nghiệm thu công trình. Sau này nếu giữa Công ty BD ACC và Công ty ĐN có tranh chấp về việc nghiệm thu, quyết toán công trình thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ, khách quan các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở đó Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành bản án đúng quy định của pháp luật.

Tại phần nhận định của bản án sơ thẩm đã nêu rõ: *Sau khi Ngân hàng NCB thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh có quyền truy đòi số tiền bảo lãnh đối với Công ty ĐN*. Do đó, nếu các bên có tranh chấp thì Ngân hàng NCB có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Tại cấp phúc thẩm, Ngân hàng NCB và Công ty ĐN thỏa thuận được với nhau về việc nghĩa vụ hoàn trả số tiền bảo lãnh, Công ty ACC không có ý kiến.

***6.3 Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty ĐN trình bày**:*

- Công ty ĐN và Công ty BD ACC đã ký kết Hợp đồng số 10 và 15 như trình bày của nguyên đơn, trên cơ sở đó Công ty ĐN đề nghị NCB phát hành 06 thư bảo lãnh. Sau khi nhận tiền tạm ứng từ Công ty BD ACC, Công ty ĐN đã triển khai thi công phần trung thế, trạm biến áp, hạ thế và cấp nước nhưng Công ty BD ACC không thực hiện nghiệm thu.

Công ty ĐN Đề nghị Tòa án buộc Công ty BD ACC phải phối hợp với Công ty ĐN để tiến hành nghiệm thu, xác nhận khối lượng, quyết toán và thanh toán cho công ty ĐN phần khối lượng công trình đã hoàn thiện từ đó xác định được số

tiền mà NCB được đối trừ công nợ theo quy định tại Điều 339 Bộ luật dân sự 2015 trước khi NCB thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Công Ty BD ACC.

- Công ty ĐN xác nhận việc Công ty đề nghị Ngân hàng phát hành 06 thư bảo lãnh với bên thụ hưởng là Công ty BD ACC, tổng số tiền là **1.759.274.099 đồng.** Ngày 07/02/2024, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển ĐN đã tiến hành hoàn trả cho Công ty CP đầu tư và xây dựng BD ACC số tiền **612.595.935 đồng** (tương đương 35% tổng giá trị bảo lãnh).

Công ty ĐN xác nhận trong trường hợp Ngân hàng NCB phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Công ty BD ACC với số tiền còn lại, Công ty ĐN sẽ thực hiện nghĩa vụ nhận nợ bắt buộc đối với Ngân hàng NCB toàn bộ số tiền gốc, lãi và phí phát sinh từ thời điểm Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ trả thay theo quy định Hợp đồng tín dụng hạn mức số 145/2022/HĐHM-9242 ngày 18/06/2022 và phụ lục số 001/2022/PLHĐHM/145/2022/HĐHM-9242 ngày 18/06/2022 đã ký với Ngân hàng NCB. Công ty cam kết sẽ thực hiện Nghĩa vụ hoàn trả khoản nợ này theo quy định.

Đồng thời khi Công ty BD ACC tiến hành nghiệm thu quyết toán giá trị hoàn thành theo Hợp đồng số 10/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN ngày 01/03/2023 và Hợp đồng số 15/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN ngày 25/05/2023 sẽ thực hiện chuyển tiền thanh toán qua số tài khoản 103001086666- của Ngân hàng ĐN mở tại NCB-CN Hưng Yên.

Vì vậy, Công ty ĐN đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng NCB. Công ty ĐN đồng ý và cam kết thanh toán hoàn lại ngay hoặc nhận nợ bắt buộc đối với số tiền Ngân hàng NCB phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Công ty BD ACC, bao gồm toàn bộ số tiền gốc, lãi và phí phát sinh từ thời điểm Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ trả thay theo quy định Hợp đồng tín dụng hạn mức số 145/2022/HĐHM-9242 ngày 18/06/2022 và phụ lục số 001/2022/PLHĐHM/145/2022/HĐHM-9242 ngày 18/06/2022. Công ty ĐN đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét, ghi nhận nội dung cam kết này tại bản án phúc thẩm để giải quyết được toàn diện vụ án, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các bên có liên quan.

***7. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án*:**

- Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xét thấy:

Ngân hàng NCB đã phát hành tổng số 06 chứng thư bảo lãnh để bảo lãnh cho việc tạm ứng và thực hiện 02 hợp đồng kinh tế giữa Công ty ĐN và Công ty BD ACC. Do Công ty ĐN thực hiện hợp đồng không đúng tiến độ và chưa hoàn thành các công trình theo thỏa thuận tại hợp đồng nên Công ty BD ACC có quyền yêu cầu Ngân hàng NCB thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Thỏa thuận bảo lãnh của Ngân hàng NCB tại các chứng thư bảo lãnh là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang nên yêu cầu phản tố và kháng cáo của Ngân hàng NCB đề nghị Tòa án buộc Công ty BD ACC phải tiến hành nghiệm thu, quyết toán các hạng mục công trình mà Công ty ĐN đã thực hiện để đối trừ nghĩa vụ bảo lãnh là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố này và buộc Ngân hàng NCB phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận nhưng tại phần quyết định của bản án không quyết định nội dung này là thiếu sót.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng NCB yêu cầu Công ty ĐN phải thanh toán và nhận nợ đối với số tiền mà Ngân hàng phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Công ty BD ACC. Tại cấp phúc thẩm, Công ty ĐN và Ngân hàng NCB đã thỏa thuận được với nhau về việc nhận nợ và thanh toán, cùng đề nghị HĐXX ghi nhận tại cấp phúc thẩm. Xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, không trái quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng NCB. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa một phần bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên Ngân hàng NCB không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục kháng cáo:

- *Về thủ tục tố tụng*:

Ngày 15/7/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 3- Hà Nội nhận được Đơn kháng cáo đề ngày 15/7/2025 của bị đơn – Ngân hàng NCB đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2025/KDTM-ST ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân quận HBT. Theo kết quả kiểm tra định vị bưu gửi số EF155983037VN thể hiện ngày 04/7/2025 Ngân hàng NCB nhận được bản án sơ thẩm nên ngày 15/7/2025

Ngân hàng NCB nộp đơn kháng cáo là trong thời hạn luật định. Người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, việc kháng cáo là hợp lệ và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về người tham gia tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có mặt theo Giấy triệu tập nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự có cơ sở xác định:

2.1 Giữa Công ty ĐN và Công ty BD ACC có ký kết 02 hợp đồng kinh tế, gồm: Hợp đồng số 10/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN ngày 01/03/2023 và Hợp đồng số 15/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN ngày 25/05/2023. Để đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty ĐN theo hai hợp đồng nêu trên, Ngân hàng TMCP Quốc Dân (*sau đây gọi là "NCB")* đã phát hành tổng số 06 chứng thư bảo lãnh theo yêu cầu của Công ty BD ACC và Công ty ĐN, trong đó: 02 Bảo lãnh tiền tạm ứng, 02 Bảo lãnh thực hiện hợp đồng đối với Hợp đồng 10; 01 Bảo lãnh tiền tạm ứng, 01 Bảo lãnh thực hiện hợp đồng đối với Hợp đồng 15. Tổng cộng số tiền bảo lãnh là: 1.759.274.099 đồng.

Xét thấy: Các Hợp đồng kinh tế được Công ty ACC và Công ty ĐN xác lập; và các Bảo lãnh tiền tạm ứng và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng do Ngân hàng NCB phát hành theo yêu cầu thoả thuận của các bên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 335, 336, 339, 340, 342 Bộ luật Dân sự 2015, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 18- Nghị định số 37 ngày 22/4/2015 của Chính Phủ. Các bên không có tranh chấp và kháng cáo về tính pháp lý của việc xác lập và ký kết các hợp đồng kinh tế và bảo lãnh nêu trên nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết.

2.2 Sau khi nhận được các Bảo lãnh tiền tạm ứng và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng do NCB phát hành, Công ty ACC đã chuyển tiền tạm ứng hợp đồng cho Công ty ĐN vào tài khoản của Công ty ĐN mở tại NCB. Quá trình thực hiện hợp đồng, do Công ty ĐN đã vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng và thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết theo hợp đồng nên Công ty ACC đã có các yêu cầu Ngân hàng NCB phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo các chứng thư bảo lãnh đã phát hành.

Xét thấy:

Tại khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng các bên có thỏa thuận: *Bên A có quyền yêu cầu Ngân hàng phát hành bảo lãnh thanh toán vô điều kiện khi có yêu cầu trong trường hợp Bên B không thực hiện và/hoặc thực hiện không đúng và /hoặc không đầy đủ các quy định của Hợp đồng;*

Tại điểm a khoản 3 Điều 22 Thông tư số 11/2022/TT – NHNN ngày 30/9/2022 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam Quy định về bảo lãnh ngân hàng: "*Trong vòng 05 ngày làm việc tiếp theo ngày bên bảo lãnh nhận được hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hợp lệ, bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết đối với bên nhận bảo lãnh*".

Như vậy, do Công ty ĐN đã vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng và thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết theo hợp đồng nên Công ty ACC có quyền yêu cầu Ngân hàng NCB phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo các chứng thư bảo lãnh đã phát hành là phù hợp với quy định tại khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng và điểm a khoản 3 Điều 22 Thông tư số 11/2022/TT – NHNN ngày 30/9/2022 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Quá trình giải quyết vụ án, đến ngày 10/3/2024, Ngân hàng NCB đã thực hiện thanh toán được 35% nghĩa vụ bảo lãnh, tương đương số tiền là 612.595.935 đồng cho Công ty BD ACC. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ngân hàng NCB phải thực hiện 65% nghĩa vụ bảo lão còn lại, số tiền là **1.137.678.164 đồng** và số tiền lãi phát sinh do chậm trả là có căn cứ. Các bên không kháng cáo về nội dung nêu trên nên có hiệu lực thi hành.

2.3 Hiện nay, Ngân hàng NCB kháng cáo chủ yếu với nội dung sau:

Theo đơn phản tố đề ngày 15/10/2024, Ngân hàng NCB yêu cầu "*buộc Công ty ACC phải phối hợp với Công ty ĐN tiến hành nghiệm thu, xác nhận khối lượng, giá trị mà phía Công ty ĐN đã tiến hành thi công trên thực tế tại công trình, từ đó xác định được số tiền mà NCB được đối trừ công nợ theo quy định tại Điều 339 Bộ luật Dân sự 2015, trước khi NCB thực hiện việc bảo lãnh đối với Công ty BD ACC*".

Tại đơn sửa đổi bổ sung đơn phản tố ngày 13/5/2025, Ngân hàng NCB yêu cầu "*buộc Công ty ĐN phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền bảo lãnh cho NCB trong trường hợp NCB phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với ACC và số tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ*".

Ngân hàng NCB kháng cáo cho rằng Tòa án sơ thẩm đã không giải thích, hướng dẫn Ngân hàng NCB thực hiện thủ tục yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập theo đúng quy định của pháp luật trong quan hệ tranh chấp hợp đồng bảo lãnh mà tiếp nhận, giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố (sửa đổi, bổ

sung) là khiến cho việc giải quyết bản án sơ thẩm không toàn diện, ảnh hưởng tới quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng NCB.

Xét thấy:

- *Đối với yêu cầu phản tố đề ngày 15/10/2024:*

Công ty ĐN - Bên được bảo lãnh thực hiện công việc của Hợp đồng đều dở dang, chưa hoàn thành theo đúng tiến độ được quy định tại Hợp đồng nên không có hồ sơ nghiệm thu, chưa có đủ điều kiện để Công ty BD ACC - Bên nhận bảo lãnh xác định giá trị khối lượng đã thực hiện được theo thực tế. Việc chưa quyết toán là do Công ty ĐN vi phạm tiến độ bàn giao công trình, bỏ mặc công trình nên không thể có số liệu để đối trừ. Hơn nữa quan hệ bảo lãnh hoàn toàn độc lập với quan hệ xây dựng. Trường hợp Công ty BD ACC và Công ty ĐN có tranh chấp về việc nghiệm thu, quyết toán công trình thì có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại khoản 3 Điều 339 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Bên bảo lãnh không phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp Bên nhận bảo lãnh có thể bù trừ nghĩa vụ với Bên được bảo lãnh. Tuy nhiên, hình thức sử dụng của 06 bảo lãnh ngân hàng do Ngân hàng NCB phát hành đều là bão lãnh vô điều kiện, không hủy ngang. Bảo lãnh cho phép Công ty BD ACC - Bên nhận bảo lãnh có quyền đòi lại tiền mà không cần bất kỳ điều kiện nào. Ngân hàng NCB có nghĩa vụ thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh không phụ thuộc vào việc quyết toán, tức là không thuộc trường hợp được đối trừ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại Khoản 3 Điều 339 Bộ luật dân sự năm 2015. Sau khi Ngân hàng NCB thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh thì có quyền truy đòi số tiền bảo lãnh đối với Công ty ĐN. Nếu các bên có tranh chấp thì Ngân hàng NCB có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Như vậy, yêu cầu phản tố của Ngân hàng NCB đề nghị buộc Công ty BD phải nghiệm thu và đối trừ tổng giá trị khối lượng Công ty ĐN đã thi công và đặt hàng thiết bị là: 714. 033.795 đồng + 366.038.220 đồng + 151.000.000 đồng = **1.231.072.015 đồng** là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố này là có cơ sở. Tuy nhiên, tại quyết định của bản án sơ thẩm lại không quyết định nội dung nêu trên, trong khi đó vẫn buộc Ngân hàng NCB phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận này là thiếu sót.

- *Đối với yêu cầu phản tố bổ sung tại phiên tòa 08/5/2025 và đơn sửa đổi bổ sung đơn phản tố ngày 13/5/2025:*

Việc Ngân hàng NCB có yêu cầu phản tố bổ sung tại phiên toà ngày 08/5/2025 và đơn sửa đổi bổ sung đơn phản tố ngày 13/5/2025 yêu cầu Toà án: *buộc Công ty ĐN phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền bảo lãnh cho NCB trong trường hợp NCB phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với ACC và số tiền lãi phát*

sinh kể từ thời điểm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ là vượt quá yêu cầu phản tố ban đầu, được đưa ra ở giai đoạn Tòa án cấp sơ thẩm đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Mặt khác, yêu cầu bổ sung đơn phản tố của Ngân hàng NCB nêu trên là đối với Công ty ĐN- là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, không phải đối với nguyên đơn. Mặt khác, Công ty ĐN không có yêu cầu độc lập đối với Ngân hàng NCB nên yêu cầu của Ngân hàng NCB không phù hợp với yêu cầu phản tố quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, tại bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã nhận định: "*không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu phản tố ngày 13/5/2025 và yêu cầu phản tố bổ sung của Ngân hàng NCB tại phiên tòa ngày 08/5/2025. Buộc Ngân hàng NCB phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo đúng cam kết tại các thư bảo lãnh đã phát hành. Giành quyền yêu cầu khởi kiện cho Ngân hàng NCB đối với Công ty ĐN về việc truy đòi bồi hoàn số tiền bảo lãnh đã thanh toán cho Công ty ACC trong một vụ án dân sự khác"* là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, tại quyết định của bản án sơ thẩm cũng không quyết định nội dung nêu trên là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền được khởi kiện của Ngân hàng NCB truy đòi Công ty ĐN bồi hoàn số tiền bảo lãnh đã thanh toán cho Công ty ACC. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng NCB về việc bổ sung nội dung quyết định nêu trên tại phần quyết định của bản án.

Trước khi xét xử và tại Tòa án cấp phúc thẩm, Công ty ĐN có bản trình bày đồng ý và cam kết thanh toán hoàn lại ngay hoặc nhận nợ bắt buộc đối với số tiền Ngân hàng NCB phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Công ty BD ACC, bao gồm toàn bộ số tiền gốc, lãi và phí phát sinh từ thời điểm Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ trả thay theo quy định Hợp đồng tín dụng hạn mức số 145/2022/HĐHM-9242 ngày 18/06/2022 và phụ lục số 001/2022/PLHĐHM/145/2022/HĐHM-9242 ngày 18/06/2022. Công ty ĐN đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng NCB, ghi nhận nội dung cam kết này tại bản án phúc thẩm. Ngân hàng NCB đồng ý với trình bày của Công ty ĐN và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận.

Xét thấy, trình bày và đề nghị nêu trên của Công ty ĐN và Ngân hàng NCB là sự tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật và giúp giải quyết được toàn diện vụ án, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các bên có liên quan. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định ghi nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng NCB và Công ty ĐN với nội dung: "*Công ty ĐN có nghĩa vụ nhận nợ bắt buộc và thanh toán cho Ngân hàng NCB số tiền mà Ngân hàng NCB đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Công ty BD ACC, bao gồm: 1.137.678.164 đồng nợ gốc và lãi, phí phát sinh theo quy định Hợp đồng tín dụng hạn mức số 145/2022/HĐHM-*

9242 ngày 18/06/2022 và phụ lục số 001/2022/PLHĐHM/145/2022/HĐHM-9242 ngày 18/06/2022 từ thời điểm Ngân hàng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh đối với Công ty BD ACC".

Về án phí, các bên thỏa thuận Ngân hàng NCB nộp số tiền án phí đối với yêu cầu phản tố này theo quy định tại khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 335, 336, 339, 340, 342, 357, 398, 401 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 97; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244, Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280, Điều 298, khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 90; 91; 94; 95; 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010.

- Căn cứ Điều 113, 138, 139, 140, 141, 144 Luật xây dựng năm 2014;

- Căn cứ Điều 3, điểm b khoản 1 Điều 12, Điều 13, 14 Nghị định số 37 ngày 22/4/2015 của Chính phủ; điểm a khoản 3 Điều 22 Thông tư số 11/2022/TT – NHNN ngày 30/9/2022 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam;

- Căn cứ Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Ngân hàng TMCP Quốc dân. Sửa một phần bản án sơ thẩm, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BD ACC đối với Ngân hàng TMCP Quốc dân.

2. Buộc Ngân hàng TMCP Quốc dân phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với số tiền còn lại là **1.137.678.164 đồng** đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BD ACC theo Bảo lãnh tiền tạm ứng số MD2306897055, seri: BLAA 042919 ngày 09/03/2023; Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD2306804765, seri: BLAA 042917 ngày 09/03/2023; Bảo lãnh tiền tạm ứng số MD2313709911, seri: BLAA 042954 ngày 17/05/2023; Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD2313732947, seri: BLAA 042953 ngày 17/05/2023; Bảo lãnh tiền tạm ứng số MD2314906911, seri: BLAA 042961 ngày 29/05/2023 và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số MD2314959760, seri: BLAA 042962 ngày 29/05/2023 của Hợp đồng kinh tế số 10/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN ngày 01/3/2023 và Hợp đồng kinh tế số 15/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN ngày 25/5/2023.

Buộc Ngân hàng TMCP Quốc dân phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng BD ACC số tiền lãi chậm trả tính trên số tiền **1.137.678.164 đồng,** tạm tính từ ngày 01/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/5/2025 là **208.210.688 đồng**.

Tổng cộng là: 1.345.888.852 đồng (*Một tỷ, ba trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi hai đồng*).

Kể từ 31/5/2025 cho đến khi thi hành án xong, Ngân hàng TMCP Quốc dân còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Ngân hàng TMCP Quốc dân về việc: *buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng BD ACC phải phối hợp với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển ĐN Việt Nam tiến hành nghiệm thu, xác nhận khối lượng, giá trị mà phía Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển ĐN Việt Nam đã tiến hành thi công trên thực tế tại công trình, từ đó xác định được số tiền mà Ngân hàng TMCP Quốc dân được đối trừ công nợ theo quy định tại Điều 339 Bộ luật Dân sự 2015, trước khi Ngân hàng TMCP Quốc dân thực hiện việc bảo lãnh đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng BD ACC.*

Giành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án khác liên quan đến việc nghiệm thu, quyết toán Hợp đồng kinh tế số 10/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN ngày 01/3/2023 và Hợp đồng kinh tế số 15/2023/HĐKT/ACC-ĐNVN ngày 25/5/2023.

4. Ghi nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng TMCP Quốc dân và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển ĐN Việt Nam về việc: *Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển ĐN Việt Nam có nghĩa vụ nhận nợ bắt buộc và thanh toán cho Ngân hàng TMCP Quốc dân số tiền mà Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng BD ACC, bao gồm: 1.137.678.164 đồng nợ gốc và lãi, phí phát sinh theo quy định Hợp đồng tín dụng hạn mức số 145/2022/HĐHM-9242 ngày 18/06/2022 và phụ lục số*

001/2022/PLHĐHM/145/2022/HĐHM-9242 ngày 18/06/2022 từ thời điểm Ngân hàng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng BD ACC cho đến khi Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển ĐN Việt Nam thanh toán toàn bộ khoản nợ với Ngân hàng.

Trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển ĐN Việt Nam không thanh toán, Ngân hàng TMCP Quốc dân có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tổ chức thi hành án theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí

5.1 Về án phí sơ thẩm:

- Ngân hàng TMCP Quốc dân phải chịu **52.376.665 đồng** (*Năm mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi lăm đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ bảo lãnh phải thực hiện trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng BD ACC, **48.930.000 đồng** (*Bốn mươi tám triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*) đối với phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận và **23.065.172 đồng** (*Hai mươi ba triệu không trăm sáu mươi năm nghìn một trăm bảy mươi hai đồng*). Tổng cộng là **124.371.837 đồng** (*Một trăm hai mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi một nghìn tám tăm ba mươi bảy đồng*).

Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **24.465.000 đồng** (*Hai mươi tư triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0024347 ngày 11/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HBT, Ngân hàng TMCP Quốc dân còn phải nộp số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **99.906.837 đồng** (*Chín mươi chín triệu chín trăm linh sáu nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng*).

- Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng BD ACC được trả lại số tiền **32.254.000 đồng** (*Ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng*) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003036 ngày 15/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận HBT, Hà Nội.

5.2 Về án phí phúc thẩm

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Quốc dân **2.000.000 đồng** (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, đã nộp theo biên lai số 0001857 ngày 25/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

7.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND Khu vực 3;
- Phòng THADS Khu vực 3;
- Các Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN

Bùi Đức Bằng